

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 24 - 3 - 2020
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương.
Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 626/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Kim U, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Thanh T – Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (Văn phòng luật sư Võ Thanh T).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Châu Minh T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Luật sư có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 1996 bà U và ông T tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn (theo xác nhận ngày 10/9/2019 của UBND xã Khánh Bình Tây Bắc). Trong quá chung sống giữa bà U và ông T có 01 con chung tên Châu T N, sinh năm 1997.

Về tài sản chung: Năm 1995 ông Châu Minh T có hợp đồng với Công ty

TNHH Lâm Nghiệp U Minh Hạ phần đất có diện tích 40 héc-ta tại khoảnh 02 – tiểu khu 053 (do ông T đứng tên trên sổ hợp đồng), sau khi bà U về sống chung với ông T thì bà U trực tiếp quản lý và canh tác phần đất, trên phần đất bà U có trồng các loại cây ăn trái có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà U yêu cầu được ly hôn với ông T. Về tài sản chung bà U yêu cầu ông T giao cho bà U đứng tên $\frac{1}{2}$ sổ hợp đồng với Công ty TNHH Lâm Nghiệp U Minh Hạ, nếu không đồng ý thì trả thành quả lao động cây ăn trái cho bà U là 1.000.000.000 đồng. Về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 19/02/2020 bà U tự rU lại yêu cầu chia tài sản.

- Luật sư Võ Thanh T, trình bày:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Kim U, tuyên xử không công nhận bà Phan Kim U và ông Châu Minh T là vợ chồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của bà U và hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà U theo quy định của pháp luật.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Ông Châu Minh T xác định ông và bà U tự nguyện sống chung với nhau năm 1996, quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn và có 01 con chung đã trưởng thành như bà U trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà U không có tài sản chung, nhưng vợ chồng có hợp đồng với Công ty TNHH Lâm Nghiệp U Minh Hạ phần đất có diện tích 40 héc-ta tại khoảnh 02 – tiểu khu 053 (do ông T đứng tên trên sổ hợp đồng vào năm 1995). Hiện nay bà U đang quản lý toàn bộ phần đất, trên phần đất bà U có trồng cây ăn trái trên bờ ranh và mặt tiền. Phần đất trồng tràm hiện đã khai thác 20 héc-ta, còn lại 20 héc-ta chưa khai thác, phần đất 20 héc-ta đã khai thác ông T và bà U đã thỏa thuận xong. Nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Hiện nay ông T đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân khoảng 03 tháng nay.

Nay ông T đồng ý ly hôn với bà U. Về tài sản đồng ý giao cho bà U 15 héc-ta để bà U lo cho con chung (vị trí tạm thời chưa xác định), nhưng nếu sau này ông T được chia phần đất mà bà U có trồng cây ăn trái thì đồng ý trả thành quả cho bà U.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà U xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T mâu

thuần trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà U khởi kiện ông T về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và ông T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục*: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy bà U và ông T tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng bà U và ông T không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà U và ông T là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Xét về con chung*: Đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung*: Bà U tự nguyện rU yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản của bà U.

[6] *Về tiền chi phí tố tụng*: Bà Phan Kim U phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng đã nộp và thực hiện xong theo quy định tại Điều 155, Điều 156, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] *Xét về án phí*: Bà U phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền tạm ứng án phí bà U đã dự nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, số tiền còn dư hoàn trả lại toàn bộ cho bà U.

Đối với các đề nghị của Luật sư là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Kim U.
 - Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Kim U và ông Châu Minh T là vợ chồng.
 - Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản của bà U về việc yêu cầu ông Châu Minh T giao cho bà U đứng tên sổ hợp đồng $\frac{1}{2}$ diện tích đất 40 héc-ta tại khoảnh 02 – tiểu khu 053 của Công ty TNHH Lâm Nghiệp U Minh Hạ hoặc trả thành quả lao động số tiền 1.000.000.000 đồng.
2. Chi phí tố tụng: Bà Phan Kim U phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng đã nộp và thực hiện xong.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà U đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0002695 ngày 23/9/2019 và 10.500.000 đồng theo biên lai số 0002823 ngày 30/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, bà U được hoàn lại số tiền 10.500.000 đồng.
4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung